

Rx-Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc



Hướng dẫn sử dụng thuốc



1. Tên thuốc: Viên nén bao phim Labonvild

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc

Thuốc hết hạn sử dụng, thuốc bị biến màu thì không được sử dụng.

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

“Để xa tầm tay trẻ em”

“Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”

3. Thành phần công thức thuốc:

Cho 01 viên nén bao phim.

Magnesi lactat dihydrat.....470 mg

Pyridoxin hydroclorid.....5 mg

Tá dược: (Tinh bột mì, lactose, povidon, croscarmellose natri, talc, hydroxy propyl methyl cellulose, polyethylen glycol, titan dioxyd)vừa đủ 1 viên.

4. Dạng bào chế :

Viên nén bao phim màu trắng, hình oval, thành và cạnh viên lành lặn, không sứt mẻ

5. Chỉ định:

Điều trị các trường hợp thiếu Magnesi riêng biệt hay kết hợp.

6. Cách dùng, liều dùng:

Liều dùng

Dùng cho người lớn và trẻ em trên 6 tuổi

Người trưởng thành:

Dùng 6 đến 8 viên mỗi ngày được chia thành 2 hoặc 3 lần uống trong bữa ăn.

Trẻ em:

Dùng 10 đến 30 mg/kg/ngày (tức là 0,4 đến 1,2 mmol/kg/ngày), hoặc đối với trẻ em trên 6 tuổi (khoảng 20 kg) dùng 4 đến 6 viên mỗi ngày, nên chia liều dùng mỗi ngày ra làm 2-3 lần trong thời gian các bữa ăn.

Việc điều trị sẽ được dừng lại ngay sau khi nồng độ Mg máu trở lại bình thường.

Cách dùng

Uống viên thuốc với nhiều nước.

7. Chống chỉ định:

Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

Suy thận nặng với độ thanh thải của creatinin dưới 30ml/phút.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Cảnh báo

Trong trường hợp thiếu hụt trầm trọng, nên bắt đầu điều trị bằng đường tĩnh mạch. Trong trường hợp kém hấp thu cũng vậy.



Trong trường hợp thiếu calci đi kèm, nên tiến hành bổ sung maginesi trước khi điều trị bù calci.

Thuốc có chứa lactose. Bệnh nhân bị rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoàn toàn hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

Tinh bột lúa mì có trong thuốc này chỉ chứa hàm lượng gluten rất thấp và ít có khả năng có hại nếu bệnh nhân có bệnh Celiac. Một viên nén bao phim không chứa nhiều hơn 4,0 mcg gluten. Nếu bị dị ứng với lúa mì (tránh nhầm với bệnh Celiac), bệnh nhân không nên dùng thuốc này.

Khi sử dụng pyridoxin kéo dài và/hoặc mãn tính tiêu thụ pyridoxin liều cao trong thời gian dài (vài tháng hoặc thậm chí vài năm) có thể gây ra bệnh thần kinh cảm giác. Tình trạng này có thể dần dần hồi phục khi ngừng điều trị.

Thận trọng khi dùng thuốc

THUỐC NÀY DÀNH CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM TRÊN 6 TUỔI.

Có dạng được phẩm thích hợp cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Trong trường hợp suy thận mức độ trung bình, nên thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh nguy cơ tăng maginesi máu tương đối.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Chỉ dùng maginesi ở phụ nữ có thai khi cần thiết.

Thành phần maginesi và vitamin B6 đơn lẻ được xem là tương thích với thời kỳ cho con bú. Liều vitamin B6 được khuyến cáo dùng hằng ngày cho phụ nữ đang cho con bú không được quá 20mg/ngày.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Viên nén bao phim Labonvild không có hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và sử dụng máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Tránh dùng Maginesi kết hợp với các chế phẩm có chứa phosphat và muối calci là các chất ức chế quá trình hấp thu Maginesi tại ruột non.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Các tác dụng phụ có thể xảy ra với viên nén bao phim Labonvild được liệt kê dưới đây theo nhóm hệ cơ quan và tần suất sử dụng theo quy ước sau: Rất phổ biến (1/10) ; Phổ biến (1/100, <1/10); Không phổ biến (1/1000, <1/100); Hiếm (1/10.000, <1/1.000); Rất hiếm (<1/10.000); Không xác định (không thể ước tính tần suất từ dữ liệu có sẵn).

Hệ cơ quan	Phản ứng phụ	Tần số
Rối loạn hệ thống miễn dịch	Quá mẫn, phù mạch	Không xác định
Rối loạn tiêu hóa	Tiêu chảy *, đau bụng *	Không xác định
Rối loạn da và mô dưới da	Phản ứng da bao gồm nổi mề đay, ngứa, chàm, ban đỏ	Không xác định

* Tác dụng phụ liên quan đến Mg

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

3003439
CÔNG T
SQC PHA
THƯƠNG
HƯỚNG Đ
NINH-T.

13. Quá liều và cách xử trí:

Liên quan tới Magnesi

Uống quá liều Magnesi thường không gây ra phản ứng độc hại trong chức năng thận bình thường. Tuy nhiên, ngộ độc Magnesi có thể phát triển thành suy thận.

Các tác động độc hại phụ thuộc vào mức Magnesi trong máu và các dấu hiệu như sau:

- Giảm huyết áp,
- Buồn nôn, nôn mửa,
- Hệ thống thần kinh trung ương, giảm phản xạ,
- ECG bất thường,
- Khởi phát suy hô hấp, hôn mê, ngừng tim và liệt hô hấp,
- Vô niệu.

Điều trị: bù nước, lợi tiểu cưỡng bức. Trong suy thận, chạy thận nhân tạo hoặc thẩm phân phúc mạc là cần thiết.

Liên quan tới Pyridoxin

Bệnh thần kinh trục cảm giác có thể xảy ra khi sử dụng pyridoxin kéo dài và/hoặc tiêu thụ pyridoxin liều cao mãn tính (vài tháng hoặc vài năm).

14. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Khoáng chất và vitamin.

Mã ATC: A12CC06, A11HA02.

Về sinh lý: Magnesi là một ion dương có nhiều trong nội bào. Magnesi làm giảm tính kích thích của noron và sự dẫn truyền noron cơ. Magnesi tham gia vào nhiều phản ứng men. Pyridoxin là một đồng enzym, tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa.

Về lâm sàng

Magnesi huyết thanh:

- Từ 12 đến 17 mg/l (1 đến 1,4 mEq/l hoặc 0,5 đến 0,7 mmol/l) cho thấy sự thiếu hụt magnesi vừa phải;
- Dưới 12 mg/l (1 mEq/l hoặc 0,5 mmol/l) cho thấy tình trạng thiếu magnesi nghiêm trọng.

Thiếu magnesi có thể là:

- Nguyên phát do bất thường bẩm sinh về chuyển hóa (giảm máu bẩm sinh mãn tính)
- Thứ cấp: Ăn uống không đủ (thiếu dinh dưỡng nghiêm trọng, nghiện rượu, dinh dưỡng hoàn toàn qua đường tĩnh mạch),

Kém hấp thu tiêu hóa (tiêu chảy mãn tính, rối loạn tiêu hóa, suy tuyến cận giáp),

Phóng đại các tổn thất ở thận (bệnh lý ống thận, đa niệu, lạm dụng thuốc lợi tiểu, viêm thận bể thận mãn tính, cường aldosteron nguyên phát, điều trị bằng cisplatin).

15. Đặc tính dược động học:

Sự hấp thu tiêu hóa của muối magnesi tuân theo một cơ chế thụ động mà tính chất hòa tan của muối là yếu tố quyết định. Sự hấp thu tiêu hóa của muối magnesi không vượt quá 50%. Bài tiết chủ yếu qua nước tiểu.

16. Quy cách đóng gói:

Bổ sung lần 4 ngày 19/01/2024

Hộp 10 vỉ x 10 viên (PVC/ALU), kèm đơn hướng dẫn sử dụng.

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

- Điều kiện bảo quản:

Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng

- Hạn dùng: 36 tháng, kể từ ngày sản xuất.

- Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: Tiêu chuẩn cơ sở

18. Sản xuất bởi:



PHUONGDONG
PHARMA

CÔNG TY DP VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG-(TNHH)

ĐC: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 02223.720.838 /02223.720.836

E-mail: nguoitruyenlua2@phuongdongbn.com.vn

19. Phân phối bởi:



LINH DAT PHARMA
★ NIỀM TIN CHO SỨC KHỎE ★

Điện thoại: 0221.2474142

Điện thoại: 0221.6279806

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LINH ĐẠT

Địa chỉ: Khu đô thị Lạc Hồng Phúc, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Email: linhdatpharmajsc@gmail.com

Website: linhdatpharma.com.vn

